

Quan niệm của Phan Bội Châu về dân quyền

(*)

Nguyễn Văn Hòa *Tiến sĩ, Giám đốc trung tâm đào tạo từ xa, Đại học Huế - Tạp chí Triết học (2008)*

Bài viết trình bày và phân tích tư tưởng của Phan Bội Châu về dân quyền, cũng như ý nghĩa của tư tưởng dân quyền đó đối với việc thực hiện quốc quyền, tức là quyền độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Tiếp đó, bài viết trình bày và phân tích tư tưởng của Phan Bội Châu cho rằng: muốn thực hiện được quốc quyền, chế độ chính trị của Việt Nam khi đó phải chuyển từ quân quyền sang dân quyền theo xu thế phát triển tất yếu của thời đại, với việc nâng cao dân trí thông qua giáo dục.

Dưới ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng phương Tây, đặc biệt từ khi qua Nhật Bản và được chứng kiến một nước có truyền thống Nho học do biết tiếp nhận và vận dụng những tư tưởng tiến bộ của Phương Tây vào công cuộc duy tân mà trở nên hùng cường; được nghiên cứu và trao đổi về nguyên nhân cách mạng xã hội, về chính thể của các nước, về tư tưởng tự do, bình đẳng, bác ái, dân quyền, dân trí và các biện pháp duy tân của Môngtêxiơ, Vôn-te, Rút-xô..., ở Phan Bội Châu đã hình thành nên một quan niệm mới - quan niệm về dân quyền. Quan niệm này chứa đựng một nội dung mới mẻ và không kém phần phong phú, thể hiện mục đích thiêng liêng cứu nước, giải phóng dân tộc để đem lại tự do, hạnh phúc cho dân, đem lại quyền lực cho dân, để cho người dân trở thành chủ thể của các quyền lực trong xã hội.

Vấn đề dân quyền là vấn đề mới mẻ đối với các sĩ phu yêu nước Việt Nam trong những năm đầu của thế kỷ XX. Bởi lẽ, ở thời điểm đó, dân quyền là cái chưa có trong kho tàng tư tưởng của dân tộc ta, mà phải tiếp thu từ những trào lưu tư tưởng Âu Mỹ. Trước sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến, mà nòng cốt là tư tưởng Nho giáo trong việc bảo vệ đất nước nửa cuối thế kỷ XIX và yêu cầu giải phóng dân tộc hồi đầu thế kỷ XX, với lòng yêu nước nồng nàn, tài năng và sự mẫn cảm của mình, Phan Bội Châu đã tìm kiếm và tiếp nhận những trào lưu tư tưởng phương Tây, đặc biệt là tư tưởng dân quyền - một thứ vũ khí tư tưởng mới lạ trong thời đại "châu Á thức tỉnh" sau "giấc ngủ" quân chủ.

Dưới chế độ phong kiến, nửa thực dân, người dân Việt Nam chỉ có trách nhiệm và nghĩa vụ phục tùng vô điều kiện yêu cầu của kẻ bề trên. Họ bị tước bỏ tất cả mọi quyền hành, họ chưa bao giờ là chủ thể của quyền lực. Bằng sự trải nghiệm của mình, Phan Bội Châu cho rằng, không có dân quyền là một trong những nguyên nhân khiến cho nhân dân ta sống trong tủi nhục, cay đắng, khốn khổ và tăm tối. Trong Tân Việt Nam (1907), với sự khảo cứu lịch sử và hiện trạng của nước nhà, Phan Bội Châu đã vạch rõ: "*Cái nọc độc chuyên chế của bọn người hại dân ấp ủ đã hàng ngàn năm nay từ bên Trung Quốc lây sang nước ta, đến nỗi một tên độc phu (vua) và vài vạn kẻ dung nhân (quan) làm cá thối trăm họ dân ta. Thế mà dân ta ngu ngốc khờ dại, không biết giành dân quyền, giữ quốc mệnh, chỉ ngày đêm lo hết lòng hết sức đem máu mỡ của mình cung đờn cho bọn độc phu, dung nhân uống nuốt? Than ôi! Thật đáng thương thay!*"⁽¹⁾

Sự lạc hậu và bất cập của hệ tư tưởng phong kiến, sự thoái hoá của vua quan nhà Nguyễn, sự bắt chước chế độ chuyên chế của nhà Thanh là những chướng ngại lớn trên con đường đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, giành lấy chủ quyền về tay nhân dân. Sự ngự trị của chế độ chính trị cũ kỹ đó cần phải thay thế bằng thể chế chính trị mới mà trong đó người dân có quyền. Theo Phan Bội Châu, dân tộc Việt Nam đã phải trải qua hàng thế kỷ dưới chế độ phong kiến và thực dân nửa phong kiến, đã sống một cuộc sống không có tự do là bởi cái nọc độc chuyên chế đã đầu độc và giết chết dân quyền. Khi dân không có quyền thì cũng có nghĩa là, họ chỉ là một thứ công cụ để phục tùng quyền lực và ý chí của kẻ khác. Trong khi đó, theo yêu cầu của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và canh tân đất nước thì quyền lực phải thuộc về nhân dân, tức là người dân phải có quyền. Dân quyền vừa là mục đích hướng tới, vừa là điều kiện để huy động sức mạnh của toàn dân, để giải phóng và phát huy mọi năng lực sáng áo của con người.

Đấu tranh để giải phóng dân tộc, để giải phóng con người thoát khỏi sự áp bức, để xem lại quyền cho người dân luôn là điều răn trở, thôi thúc trong Phan Bội Châu. Ngay trong *Việt Nam quốc sử khảo* (1908), Phan Bội Châu đã dành không ít tâm huyết để bàn về mối quan hệ giữa dân quyền và quốc quyền, về mầm mống dân quyền ở nước ta, về dân quyền ở nước ta bị hao mòn, về mối quan hệ giữa dân quyền và dân trí với nội dung khá phong phú. Tuy vậy, khái niệm "dân quyền" chưa được Phan Bội Châu định nghĩa một cách rõ ràng, có chăng chỉ là sự luận giải của ông về nữ quyền. Trong một tác phẩm về vấn đề phụ nữ, Phan Bội Châu dành một chương bàn về nữ quyền. Trong đó, ông viết: "*Nữ quyền nghĩa là*

quyền của người đàn bà con gái, cũng như nam quyền nghĩa là quyền của người con trai. Nhưng, xét cho đến gốc chân lý, thậm chí cho tới nguồn triết học thì nữ quyền với nam quyền tất cả đều nặn vào trong hai chữ "nhân quyền". Nhân quyền nghĩa là quyền của người mà cũng nghĩa là quyền làm người. Rằng quyền của người tức là các quyền đó là người thời đáng được, rằng quyền làm người tức là đã một con người tất cả các quyền được làm con người mà không phải làm trâu ngựa. Con trai là người, con gái cũng là người, ở trong hai chữ "quyền người" đã bao bọc cả rồi không phải phân biệt nam quyền nữ quyền, nếu phân biệt nam quyền nữ quyền cũng là dư".⁽²⁾

Theo cách lập luận trên của Phan Bội Châu, có thể hiểu rằng, dân quyền là quyền của người dân; người dân có quyền đó là lẽ tất yếu, đã là con người dù nam hay nữ đều có quyền làm người và đó cũng chính là giá trị của con người. Do đó, không có dân quyền, hay nói cách khác, không có quyền làm người thì con người mất hết giá trị, con người không còn là con người mà trở thành trâu ngựa. Sự phân biệt nam quyền hay nữ quyền là không cần thiết, bởi là người tất phải có quyền, người dân phải có quyền, tất cả mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật. Phan Bội Châu cho rằng: "*Mọi thứ dân quyền đều được bình đẳng*".⁽³⁾ Chứ đâu phải chỉ có vua, cha, chồng mới có quyền, còn những người khác thì không có quyền. Quan điểm này chẳng những khác hẳn quan điểm của Nho giáo về tam cương vốn đã in dấu ấn đậm nét trong tâm thức của mọi người, mà còn có tác động thức tỉnh nhân dân ta đứng lên đấu tranh xoá bỏ dấu ấn đó, đứng lên đấu tranh phá bỏ sự áp chế vô lý đương thời để giành lại quyền làm người của mình.

Trân trọng và đề cao quyền làm người, quyền của người dân là một trong những biểu hiện sinh động trong quan niệm của Phan Bội Châu về dân quyền. Đồng thời, ở đây cũng cho chúng ta thấy rõ sự chuyển biến tích cực trong tư tưởng của Phan Bội Châu, ông đã vượt qua hệ tư tưởng phong kiến để tiếp nhận những giá trị tiến bộ trong các trào lưu tư tưởng phương Tây nhằm phát huy và tập hợp sức mạnh của mọi người dân hướng vào sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc và canh tân đất nước. Hướng đến mục đích đó, Phan Bội Châu nhận thức được rằng, dân quyền có quan hệ với quốc quyền, dân quyền có quan hệ với sự thịnh suy và sống còn của đất nước.

Theo Phan Bội Châu, dân quyền trở thành tiêu chí quan trọng nhất để xem xét nước còn hay mất, nước mạnh hay yếu, giá trị của người dân cao hay thấp, người dân còn hay mất. Ngay những dòng đầu tiên luận giải về mối quan hệ giữa dân

quyền và quốc quyền, Phan Bội Châu viết: *"Theo công pháp vạn quốc đã định, được gọi là một nước thì phải có nhân dân, có đất đai, có chủ quyền. Thiếu một trong ba cái ấy đều không đủ tư cách làm một nước. Trong ba cái đó thì nhân dân là quan trọng nhất. Không có nhân dân thì đất đai không thể còn, chủ quyền không thể lập; nhân dân còn thì nước còn; nhân dân mất thì nước mất. Muốn biết nhân dân còn mất như thế nào thì phải nhìn xem cái quyền của nhân dân còn mất như thế nào. Dân quyền mà được đề cao thì nhân dân được tôn trọng, mà nước cũng mạnh. Dân quyền bị xem nhẹ, thì dân bị coi khinh, mà nước yếu. Dân quyền hoàn toàn mất thì dân mất, mà nước cũng mất".*⁽⁴⁾

Như vậy, dân quyền chẳng những là tiêu chí mà còn là hạt nhân chi phối các yếu tố cấu thành một nước, trong đó nhân dân là cái quan trọng. Cái quan trọng đó còn hay mất lại phụ thuộc vào dân quyền. Điều có ý nghĩa sâu sắc nhất ở đây chính là Phan Bội Châu đã xác định rõ vai trò và vị trí của dân quyền đối với vận mệnh của đất nước. Đó là điều mà hầu hết các nhà Nho yêu nước cùng thời với Phan Bội Châu không dễ gì có thể nhận thức được. Bởi theo họ, dân là gốc của nước, nhưng để đi sâu hơn xem cái gốc đó còn hay mất thì họ gặp phải những khó khăn nhất định. Những khó khăn đó đã ngăn cản họ, không cho họ đi đến nhận thức được vấn đề một cách đúng đắn. Còn Phan Bội Châu đã vượt lên trên những khó khăn đó để tiếp tục đi sâu và làm rõ vấn đề: *"Dân còn hay mất là tùy thuộc vào dân quyền"*. Đây là một trong những biểu hiện sinh động khác về chất so với hệ tư tưởng phong kiến. Điều này đã được Phan Bội Châu chỉ rõ như sau: *"Trong đời này nếu không có ông Mạnh Tử thời cái nghĩa "Dân quý" không sáng tỏ ra; nếu không có ông Lu Thoa thời cây cờ "Dân quyền" ai dựng lên được. Nước ta mấy nghìn năm nay, quyền vua ngang dọc, quyền quan cũng theo đó mà tăng lên, lớn nhất không ai bằng một người, hèn nhất không ai bằng trăm họ. . . , việc đáng thương đáng buồn cho thế đạo, còn có gì hơn cái ấy nữa".*⁽⁵⁾ Điều đó có nghĩa là, chỉ có vất bỏ ngọn cờ quân chủ, nắm lấy ngọn cờ dân quyền thì mới nhận thức được rằng, dân chẳng những là gốc của nước, mà còn là chủ của nước.

Nhận thức mới mẻ trên có tác dụng thức tỉnh, giác ngộ mọi người, phát huy sức mạnh của toàn dân tộc, phát huy tính tích cực, tự giác của mỗi con người vào trong mọi hoạt động chính trị, xã hội. Bởi thế, quan tâm đến dân quyền luôn là nội dung chủ yếu, là vũ khí mới lạ trong đường lối hoạt động của Phan Bội Châu.

Trong hoàn cảnh của nước ta lúc bấy giờ, dân quyền là một điều mới mẻ, là một giá trị nhân đạo có sức hấp dẫn, lay động, cổ vũ mọi người đứng lên đấu tranh nên cần phải đem "hai chữ "Dân quyền" mà hò hét trong nước, như một tiếng

sấm vang, làm cho bao nhiêu giấc mơ phải tỉnh dậy, mà dân ta từ nay dần dần mới biết mình có quyền". Thức tỉnh và giải thoát mọi người thoát khỏi ngục tối dã man, thoát khỏi thân phận trâu ngựa để tiến bước trên con đường đi tới văn minh, tự do, "dân là chủ nước, nước là của dân" là nhiệm vụ cơ bản của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc.

Trước thực tiễn của phong trào đấu tranh của nhân dân ta trong những năm đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu là một trong những người đầu tiên sớm nhận thức được hệ tư tưởng phong kiến đã hết vai trò lịch sử và là chướng ngại trên con đường tiến lên của dân tộc, ngọn cờ quân quyền cần phải hạ xuống để dương cao ngọn cờ dân quyền. Trong *Việt Nam quang phục quân phương lược* (1912), Phan Bội Châu đã tuyên bố và chỉ rõ cho mọi người thấy rằng: "*Phải xoá bỏ chính thể quân chủ, vì đó là một chính thể rất xấu xa . . . Chính thể Dân chủ cộng hoà là một chính thể rất tốt đẹp . . . Quyền bính của nước nhà là của chung toàn dân do nhân dân quyết định. Những dấu vết độc hại của chính thể chuyên chế không còn nữa. Rạng rỡ thay dân tộc Việt Nam ta! Trên mặt địa cầu, Việt Nam trở thành một dân tộc hùng cường, hoàn toàn tự do! Đó là một tôn chỉ tôi quan trọng*" ⁽⁷⁾

Với những bằng chứng cụ thể và sinh động của một số nước phương Tây, Phan Bội Châu đã chứng minh cho mọi người thấy mối quan hệ mật thiết giữa dân quyền và quốc quyền. ông viết: "*Nhật, Anh, Đức, Pháp, Mỹ đều là những cường quốc, tức là đều là những nước mà dân quyền được đề cao. Hình pháp, chính lệnh, thuế khoá, tiêu dùng đều do nghị viện quyết định, mà nghị viện thì đều do nhân dân tổ chức nên, Chính phủ không được can thiệp vào. Hàng năm đến kỳ nghị viện họp, các nghị viên tụ tập đông đủ, Chính phủ phải trình bày dự án trước nghị hội. Nghị hội tức là nhân dân. Những điều nhân dân cho là phải, chính phủ không thể không làm; những điều nhân dân cho là trái, chính phủ không được làm*".⁽⁸⁾

Theo Phan Bội Châu, dân quyền không thể tồn tại biệt lập với quốc quyền mà trái lại, giữa chúng có mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhau, trong đó dân quyền luôn được ông đề cao. Theo ông, quốc quyền không phải là một cái gì siêu tự nhiên mà thực chất là quyền lực của dân; dân tạo nên quốc quyền; "*hình pháp, chính lệnh, thuế khoá... đều do nghị viện quyết định, mà nghị viện đều do nhân dân tổ chức nên*"; dân uỷ quyền cho nghị viện để thực thi quyền lực của mình - dân quyền; có dân quyền thì mới có quốc quyền; quốc quyền phải là công cụ để phục vụ dân; dân lập ra quyền lực công cộng để bảo vệ cho cuộc sống của mình, làm chỗ nương tựa cho mình. Quan hệ giữa trách nhiệm và quyền lợi của nhân dân với chính phủ là quan hệ hai chiều, có đi và có lại, chứ không phải quan hệ

một chiều khắc nghiệt như quan hệ vua với tôi trong học thuyết chính trị - xã hội của Nho giáo từ Đổng Trọng Thư trở đi. Bởi vậy, Phan Bội Châu cho rằng: "*Chính phủ phải dựa vào nhân dân để mà được yên, nhân dân cũng nhờ vào chính phủ mà có giá trị. Nhân dân có nghĩa vụ giám đốc chính phủ. Nhân dân mà làm tròn nghĩa vụ của mình thì chính phủ không dám làm sai; chính phủ có nghĩa vụ bảo vệ nhân dân. Chính phủ mà làm tròn nghĩa vụ của mình, thì nhân dân không đến nỗi mất chỗ nương tựa. Chính phủ tức là chỉ đại biểu cho cả nước mà thôi. Còn cái căn bản, cái then chốt thì toàn là ở dân*".⁽⁹⁾

Như vậy, dân quyền là cái cốt lõi, là cái cơ sở, là cái then chốt của quốc quyền, quyền lực của nhà nước phải là quyền lực của dân. Thể chế cộng hòa chỉ có được khi người dân là người chủ tối thượng của nhà nước. Chính phủ trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình phải chịu sự kiểm soát chặt chẽ của nhân dân để cho dân quyền được tôn trọng mà không bị thoái hóa, biến chất trở thành quyền lực độc đoán của một số cá nhân. Quyền lực nhà nước phải tập trung thì nhà nước và chính phủ, tức là cả cơ quan lập pháp và hành pháp mới thực hiện được nghĩa vụ của mình đối với dân; còn dân phải có nghĩa vụ kiểm tra nhà nước, giám đốc chính phủ. Chỉ có thực hiện những nghĩa vụ đó thì quốc quyền và dân quyền mới được đảm bảo. Bởi vì, xét về thực chất, dân quyền là cơ sở, nền tảng của quốc quyền, còn nhà nước không có quyền mà chỉ là thực hiện sự ủy quyền của dân.

Theo Phan Bội Châu, trong việc giải quyết mối quan hệ giữa chính phủ và nhân dân thì nhân dân là cái cơ bản và then chốt. Do đó, nhân dân phải có trách nhiệm giám sát hoạt động của chính phủ, có như vậy dân quyền mới được tôn trọng và đề cao. Phan Bội Châu cho rằng: "*Bao nhiêu việc chính trị đều do công chúng quyết định. Thượng nghị viện phải đợi Trung nghị viện đồng ý, Trung nghị viện phải đợi Hạ nghị viện đồng ý mới được thi hành. Hạ nghị viện là nơi đa số công chúng có quyền tài phán việc của Trung nghị viện và Thượng nghị viện. Phàm nhân dân nước ta không cứ là sang hèn, giàu nghèo, lớn bé đều có quyền bỏ phiếu bầu cử. Trên là vua nên để hay nên truất; dưới là quan nên thăng hay nên giáng, dân ta đều có quyền quyết đoán cả*".⁽¹⁰⁾ Ở đây, có thể thấy rằng, mặc dù Phan Bội Châu chưa nêu lên được cơ chế để thực hiện mối quan hệ giữa dân quyền và quốc quyền, giữa nhà nước và nhân dân, giữa nhân dân và chính phủ một cách rõ nét, vì nền kinh tế - xã hội của nước ta lúc bấy giờ chưa đủ điều kiện để làm cơ sở cho việc thực hiện cơ chế đó, nhưng qua những gì đã được trình bày ở trên cũng khiến chúng ta phải thán phục trước những yếu tố tích cực, tiến bộ trong quan niệm của Phan Bội Châu về dân quyền.

Kể từ năm 1905 trở đi, tôn trọng và đề cao dân quyền luôn là vấn đề được Phan Bội Châu quan tâm, bởi lẽ đây chẳng những là vũ khí mới lạ đối với Phan Bội Châu, mà còn là khát vọng cháy bỏng của dân tộc Việt Nam, là yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử Việt Nam trong những năm đầu thế kỷ XX. Dân tộc phải độc lập, quyền lực phải thuộc về nhân dân. Tư tưởng đó đã phát huy và tập hợp được sức mạnh của đông đảo quần chúng nhân dân hướng vào phục vụ cho sự nghiệp cứu nước giải phóng dân tộc và canh tân đất nước.

Theo Phan Bội Châu, dân quyền không tồn tại biệt lập với dân trí mà trái lại, dân quyền và dân trí có mối quan hệ mật thiết với nhau. Phan Bội Châu cho rằng: "*Dân quyền được tôn trọng là do dân trí đã lên cao... Nền cộng hòa của nước Pháp, nước Mỹ là do dân trí mà có; nền lập hiến của Nhật, Anh, Đức cũng do dân trí mà ra*".⁽¹¹⁾ Nghĩa là, nâng cao dân quyền phải đi đôi với nâng cao dân trí. Người dân phải hiểu và biết sử dụng quyền hạn của mình, phải biết kiểm soát chính phủ, phải biết đề xuất các ý kiến với nhà nước để điều chỉnh, bổ sung, sửa chữa chính sách cho phù hợp với yêu cầu của cuộc sống, phù hợp với yêu cầu chính đáng của mình. Đành rằng, "*đã có tai thì có quyền nghe, đã có mắt thì có quyền dòm, đã có miệng thì có quyền nói, đã có tay chân thì có quyền hành động. Nhưng mà lại có một cái quyền rất là cao quý tức là cái quyền thẩm phán. Vị thần óc bảo rằng phải là phải. Vị thần óc bảo rằng trái là trái, điều gì trái chúng ta nên tránh, điều gì phải thì chúng ta phải nghe theo. Vị thần óc đó là một chúa tể cho trong toà pháp luật, người ta tự do ở trong pháp luật, ấy là chân chánh tự do; Người ta tự do ở ngoài vòng pháp luật ấy thì không phải là chân chánh tự do*".⁽¹²⁾ Nghĩa là, tự do là nhận thức được cái tất yếu và hành động theo cái tất yếu, vì thế mỗi bước tiến của nhận thức con người cũng chính là một bước tăng tiến của sức mạnh và quyền lực của con người. Nhận thức rõ vấn đề này, Phan Bội Châu đã từng thốt lên rằng: "*Than ôi! Dân trí có công với dân quyền lớn vậy thay!*".⁽¹³⁾

Theo Phan Bội Châu, dân quyền phải dựa vào dân trí. Người dân cho dù có quyền lực nhưng không có tri thức thì làm sao đủ điều kiện để nhận thức, để bàn luận, để đề xuất để kiểm tra? Nếu có thì cũng chỉ là hình thức mà thôi. Dân quyền phải gắn chặt với dân trí. Đó là yêu cầu vừa có tính cấp thiết, vừa có tính lâu dài. Do đó, nâng cao dân trí là một trong những nhiệm vụ chiến lược trong tư tưởng của Phan Bội Châu. Dân quyền sẽ được đề cao trên cơ sở nâng cao dân trí. Trước thực trạng của dân trí nước nhà, Phan Bội Châu cho rằng cần phải nhanh chóng xóa bỏ hủ tục, đổi mới giáo dục, xóa bỏ tính ỷ lại, xây dựng "não chất độc lập", xóa bỏ sự ngu dại, sự nghi kỵ, sự chia lìa, xây dựng niềm tin trên cơ sở khoa học

để cùng hợp lực bàn tính, thực hiện những công việc chung, đấu tranh vì lợi ích chung. Bởi vì, thực tế cho thấy, không thể có dân quyền thực sự khi người dân chưa thoát khỏi sự mê muội và tăm tối về trí tuệ; trình độ dân trí thấp kém thì khó mà tôn trọng và đề cao dân quyền; trình độ dân trí thấp kém thì người dân khó mà sử dụng một cách chủ động và tối đa quyền lực của mình.

Quan điểm dân quyền nói trên thể hiện yêu cầu cần phải giải phóng mọi người thoát khỏi hệ tư tưởng phong kiến, thoát khỏi nạn "óc đỏi"; thức tỉnh mọi người, nâng cao trình độ và sự giác ngộ cho mọi người; chủ động tiếp thu những giá trị tinh hoa của nhân loại, đặc biệt là tư tưởng dân chủ và dân quyền của phương Tây. Quan điểm này còn thể hiện sự chuyển biến tích cực mới mẻ trong tư tưởng của Phan Bội Châu, từ quân chủ sang dân chủ, từ quân quyền sang dân quyền, từ tôn quân sang tôn dân. Và, ở một mức độ nào đó, xét theo khuynh hướng phát triển, có thể nói, từ xã hội thần dân sang xã hội công dân.

Dân quyền gắn liền với dân trí, vì vậy nâng cao dân trí là yêu cầu sống còn của dân tộc và là xu hướng phát triển tất yếu trên con đường đi đến văn minh, phú cường. Quyền lực của nhà nước thực chất là quyền lực của dân. Bởi thế, pháp luật của nhà nước nếu không dựa vào trí tuệ thì chỉ là cưỡng bức thô thiển và không thể tồn tại lâu dài được. Nếu không dựa trên trình độ dân trí thì dân quyền chỉ là hình thức, pháp luật của nhà nước chỉ là sự áp đặt từ bên trên và bên ngoài chứ không phải do nhu cầu nội tại của mỗi người dân trong đời sống xã hội. Theo Phan Bội Châu, hình pháp văn minh phải dựa vào giáo dục, dựa vào trình độ dân trí thì mới lâu bền và tạo được sự tự giác từ bên trong. ông viết: "*Giáo dục cũng là cái gốc để gây dựng nền chính trị. Thuế khoá, hình pháp mọi sự đều do đó mà định*".⁽¹⁴⁾ Hoạt động chính trị phải dựa trên tri thức, nâng cao trình độ học vấn của người dân là cơ sở vững chắc để xác lập vị thế, sự sống còn, sự giàu mạnh của đất nước cũng như của mỗi người dân. Phan Bội Châu viết: "*Phàm người trong một nước mà giàu mạnh được có thể cùng thế giới tranh đua, giành sự sống còn, tất phải lấy giáo dục làm cơ sở*".⁽¹⁵⁾

Tư tưởng của Phan Bội Châu về vấn đề dân quyền cần trí tuệ, dân quyền phải đồng hành với dân trí, thể hiện tầm nhìn chiến lược của ông trong việc xây dựng thực lực phục vụ cho sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc. Phan Bội Châu cho rằng, dân trí lên cao thì dân quyền được tôn trọng, dân quyền được tôn trọng thì nước mạnh. Điều đó có nghĩa là, dân trí cao thì nước mạnh, dân trí thấp thì nước yếu. Tương đồng với tư tưởng đó, sau này, Hồ Chí Minh có quan điểm: "*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*".

Dân quyền, dân trí, văn minh của nước nhà là một thể thống nhất không thể chia cắt và có mối quan hệ mật thiết với nhau. Nước Việt Nam phải do người Việt Nam làm chủ bằng bản lĩnh và trí tuệ của mình.

Trí tuệ cần phải được nâng lên thông qua con đường giáo dục. Bởi vì, "*dân là chủ nước, nước là của dân*". Với khẳng định đó, Phan Bội Châu tin tưởng rằng: "*Sau khi duy tân rồi, thì dân trí sẽ mở mang, dân khí sẽ lớn mạnh, dân quyền sẽ phát đạt; vận mệnh nước ta do dân ta nắm giữ*".⁽¹⁶⁾ Nâng cao dân trí cũng là giải pháp để đòi lại dân quyền. Vậy làm thế nào để nâng cao dân trí? Theo Phan Bội Châu, giáo dục là cái gốc để gây dựng nền chính trị, là khuôn đúc người, là biện pháp hữu hiệu nhất, là phương thuốc tốt nhất để nâng cao trình độ dân trí. Vì thế, xã hội phải quan tâm đến giáo dục, giáo dục là quyền được học của người dân. Phan Bội Châu viết: "*Mọi việc mà dân ta cần học đều mời thầy, mở trường để cho người nước ta bất kỳ giàu nghèo sang hèn, trai gái hể từ năm tuổi trở lên, thì vào học ở trường ấu trĩ viện; để chịu sự giáo dục của bậc ấu trĩ; tám tuổi trở lên, thì vào học ở trường tiểu học, để chịu sự giáo dục của bậc tiểu học; mười bốn tuổi trở lên, thì vào học ở trường trung học, để chịu sự giáo dục của bậc trung học; đến tuổi mười tám thì tài chất đã khá, thì vào trường cao đẳng, để chịu sự giáo dục của trường cao đẳng chuyên nghiệp*".⁽¹⁷⁾

Nhận thức được rằng, tri thức đem lại quyền lực và sức mạnh cho con người, còn học tập được coi là sự tạo lập quyền lực của người dân, Phan Bội Châu cho rằng, mọi người trong nước ai cũng phải đi học, chi phí học tập cho mọi người đều do nhà nước và xã hội gánh chịu; nội dung giáo dục phải gắn với cuộc sống, phải hướng đến bồi dưỡng lòng yêu nước, khai dân trí, giúp dân quyền. Giáo dục phải giúp cho con người làm chủ vận mệnh của nước nhà, chứ không phải giống như nền giáo dục đương thời mà thực dân Pháp thực hiện ở nước ta nhằm biến người dân Việt Nam thành những con trâu, con ngựa ngoan ngoãn những tên nô lệ mắt mù, tai điếc, chân tay tê liệt, những kẻ chỉ biết cúi đầu phục tùng. Quan niệm này của Phan Bội Châu không những có tác dụng lay động, thức tỉnh nhân dân ta, mà còn đẩy lên các phong trào Duy tân, Đông du hoạt động khá sôi nổi ở nước ta, trong hai thập niên đầu của thế kỷ XX. Nó còn đáp ứng được khát khao cháy bỏng về một nước Việt Nam mới do người Việt Nam làm chủ.

Theo Phan Bội Châu, dân quyền là quyền lực và nhu cầu của người dân, là giá trị của con người cần phải được khẳng định bằng các văn bản nhà nước nhằm đảm bảo và tăng cường hiệu lực thực hiện. Do đó, Phan Bội Châu thấy rằng, cần phải có một bản Hiến pháp của nước Việt Nam. Năm 1929, ông đã soạn thảo xong

bản Hiến pháp đó. Tiếc rằng, bản Hiến pháp này được soạn thảo trong điều kiện nước nó chưa giành được độc lập. Song, điều đáng nói ở đây chính là sự nhạy cảm trong tư duy chính trị - pháp lý của Phan Bội Châu so với những người cùng thời ông. Tóm lại, mặc dù có những hạn chế nhận định, nhưng quan niệm của Phan Bội Châu về dân quyền chứa đựng một nội dung kỳ phong phú và đặc sắc. Quan niệm đó góp phần đưa trình độ nhận thức của dân tộc ta chuyển biến và phát triển lên mà bước mới, đồng thời để lại một dấu ấn đậm nét trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

(1) Phan Bội Châu. *Toàn tập*, t.2. Nxb Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.89.

(2) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.4. tr.89.

(3) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.261.

(4) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.286.

(5) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.4. tr.32.

(6) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.4. tr.32.

(7) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.3. tr.135.

(8) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.357.

(9) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.387.

(10) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.255 - 256.

(11) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.391 - 392.

(12) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.4. tr.60.

(13) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.392.

(14) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.261.

(15) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.525 - 526.

(16) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.255.

(17) Phan Bội Châu. *Sđđ.*, t.2. tr.262.

Nguồn: **Tạp chí Triết học (2008)**